

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 20-6-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Kim Tuyền.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Thái Công T, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn theo ủy quyền là anh Ngô Văn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 22/11/2022); Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Ngô Văn L, sinh ngày 01/01/1983; Có mặt.

3.2. Anh Ngô Văn N, sinh ngày 23/11/1984; Có mặt.

3.3. Chị Trần Thị M, sinh ngày 12/02/1979; Có mặt.

3.4. Anh Nguyễn Hoàng N1, sinh năm 1983; Có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp Tháp.

3.5. Anh **Ngô Văn N2**, sinh năm 1985. Địa chỉ: **ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông **Thái Công T** trình bày:

- Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp với ông **Ngô Văn P** là do ông nhận chuyển nhượng của ông **P** vào năm 2005, 2006 với diện tích 4.500m², thửa đất số 276 và diện tích 2.951m², thửa đất số 308, thuộc tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**, với giá 14 chỉ vàng 24 kra, có làm hợp đồng chuyển nhượng có công chứng ở xã, có những người trong hộ ông **P** cùng kí tên. Ông được **Ủy ban nhân dân huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hai thửa đất nêu trên vào ngày 06/01/2005 và ngày 15/9/2006. Khi ông **P** chuyển nhượng đất cho ông không làm thủ tục đo đạc xác định ranh giới quyền sử dụng đất, chuyển nhượng theo giấy chứng nhận ông **P** được cấp giấy quyền sử dụng đất. Sau khi ông **P** chuyển nhượng cho ông, ông cho ông **P** thuê lại phần đất đã với giá 2.400.000 đồng/năm. Trong thời gian thuê đất ông **P** có cất chuồng bò trên phần đất của ông. Đến tháng 3/2022, phần đất này ông không còn cho ông **P** thuê mà lấy lại cho ông **Nguyễn Hoàng N1** thuê, thì giữa ông với ông **P** mới đo đạc để xuống trụ ranh, nên xảy ra tranh chấp, đến lần thứ tư mới đo được, xuống trụ ranh theo ranh giới đã được cấp. Nhưng sau đó, ông **P** và gia đình cho rằng từ trụ đá trở về mí đường đal là đất của ông **P**, ngăn cản không cho ông sử dụng. Ngày 28/4/2022, ông đã gửi đơn đến **Ủy ban nhân dân xã T**, đề nghị hòa giải tranh chấp giữa ông với ông **P** với nội dung yêu cầu Ủy ban xã xác định vị trí ranh đất 02 thửa đất của ông, **Ủy ban nhân dân xã T** 2 hòa giải không thành. Nay ông yêu cầu Tòa án xác định vị trí ranh giới 02 thửa đất của ông với ông **Ngô Văn P** như sau:

- Vị trí thửa đất 276, tờ bản đồ số 06, diện tích 4.500 m², đất tọa lạc tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**, được tính từ mốc 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8 trở về mốc 1 theo trích lục bản đồ địa chính số: 3260/2011/TL.ĐC ngày 12/5/2022 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**.

- Vị trí thửa đất 308, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.951 m², đất tọa lạc tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**, được tính từ mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 trở về mốc 1 theo trích lục bản đồ địa chính số: 3259/2022/TL.DC ngày 12/5/2022 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**.

- Yêu cầu ông **Ngô Văn P** trả lại phần đất giáp với đường đal ngang 61,8m x dài cạnh 0,82, dài 0,76 m, thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại **xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**.

- Yêu cầu ông Ngô Văn P di dời chuồng bò trên thửa đất 308, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.951 m², đất tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn ông Ngô Văn P, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là anh Ngô Văn L, trình bày: Anh là con ruột của ông Ngô Văn P. Cha anh có chuyển nhượng đất cho ông Thái Công T vào ngày tháng năm nào, giá bao nhiêu anh không biết. Khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa hai bên chưa xác định ranh. Đến năm 2022, ông T yêu cầu đo xác định ranh, có địa chính xã và tư pháp xã T 2 đến đo đạc, anh yêu cầu ông T đo từ đường đal vô ranh đất của ông Năm H, còn dư lại để trừ qua phần đất nền nhà của cha anh nhưng ông T không chịu, ông T yêu cầu đo từ phía trong ra ngoài đường đal, có cắm trụ đá cách đường đal chiều ngang 61,8m, chiều dài một cạnh là 0,82m, một cạnh là 0,76m, phần đất này là đất của cha anh, không phải của ông T. Nay ông Thái Công T yêu cầu cha anh là ông Ngô Văn P trả lại phần đất giáp đường đal ngang 61,8m x dài 0,82m, dài 0,76m, diện tích 51,4m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, anh là người đại diện cho bị đơn không thống với yêu cầu của nguyên đơn vì phần đất này của cha anh trước đây hiến đất làm đường đi nay phần đất này giáp lộ thì là phần đất còn lại của gia đình anh. Anh thống nhất di dời chuồng bò ra khỏi diện tích 2.951m², thuộc thửa đất 308, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Các cạnh khác của phần đất đã bán cho ông T đã thống nhất ranh, không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N trình bày: Nguồn gốc đang tranh chấp phần đường đal là của ông bà để lại cho cha anh là ông Ngô Văn P, khoảng năm 2005, 2006 cha anh có chuyển nhượng cho ông T với giá bao nhiêu anh không biết, khi ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không biết, vì việc mua bán là giữa cha với ông T, hai bên chưa xác định ranh. Đến năm 2022, ông T yêu cầu đo xác định ranh đất, gia đình anh yêu cầu ông T đo từ đường đal vô ranh đất của ông Năm H, còn dư lại để trừ qua phần đất nền nhà của cha anh nhưng ông T không chịu, ông T yêu cầu đo từ phía trong ra ngoài đường đal còn dư chiều ngang 61,8m, chiều dài mỗi 01 đầu là 0,82m, 01 đầu là 0,76m là đất của cha anh, nên muốn lấy để sử dụng. Nay ông Thái Công T yêu cầu cha anh là ông Ngô Văn P trả lại phần đất giáp đường đal ngang 61,8m x dài 0,8m, diện tích 51,4m², thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, anh không thống nhất vì phần đất này của cha anh. Phần chuồng bò của anh Ngô Văn L, việc di dời chuồng bò do anh L quyết định, anh không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị M, Ngô Văn N trình bày: chị thống nhất lời trình bày của anh Ngô Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng N1 trình bày: Ông không có mâu thuẫn gì với ông T, ông P. Khoảng tháng 12/2021, ông có thuê của ông T phần đất thuộc thửa 276, thửa 308, tờ bản đồ 6, tổng diện tích 7.451m², tọa

lạc ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để trồng cây công trình các loại gồm: 850 cây giáng hương, 900 cây me tây, 150 cây xua đỏ, 100 cây phượng, 500 cây xà cừ. Khi thuê đất có làm hợp đồng thuê hợp lệ, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi ông thuê đất thì không có ai tranh chấp hay ngăn cản. Không biết lý do gì, ông P cho rằng phần đất từ đường đal trở vào khoảng 80cm là của ông P nên rào lại không cho ông T bước qua trong khi đất ông T giáp với đường đal. Việc tranh chấp giữa ông T với ông P ông không liên quan, ông chỉ là người thuê đất của ông T để trồng cây. Nếu tòa án xử tuyên như thế nào thì ông sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án. Ông không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với nguyên đơn, bị đơn.

Phần các đương sự thống nhất: Anh Ngô Văn L thống nhất di dời chuồng bò ra khỏi thửa đất 308, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Các cạnh khác của phần đất đã bán cho ông T, các bên thống nhất ranh, không tranh chấp.

Phần các đương sự không thống nhất:

Nguyên đơn: Ông Thái công Tại yêu cầu ông Ngô Văn P trả lại phần đất giáp với đường đal ngang 61,8m x dài cạnh 0,82, dài 0,76 m, diện tích 51,4 m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Ngô Văn L không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn vì phần đất giáp với đường đal ngang 61,8m x dài cạnh 0,82, dài 0,76 m, thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vì các mốc M5, M6, M7, M8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là của ông P, không phải của ông T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Ngô Văn P trả lại cho ông Thái Công T phần đất diện tích 10,5m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thái Công T về việc yêu cầu ông Ngô Văn P trả lại phần đất giao thông diện tích 40,9 m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **Thái Công T** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông **Ngô Văn P** trả lại cho ông phần đất giáp với đường đal ngang 61,8m x dài cạnh 0,82, dài cạnh 0,76 m, diện tích 51,4m² thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 06, trong phạm vi các mốc M5, M6, M7, M8 trở về M5 và yêu cầu ông **Ngô Văn L** di dời chuồng bò, trại cũi ra khỏi thửa đất 308, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại **xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** (Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/8/2022 và 17/7/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**). Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nội dung: Xét, yêu cầu của ông **Thái C** Tại là có một phần căn cứ chấp nhận, bởi vì:

[4] Về nguồn gốc các thửa đất tranh chấp 276, 308, tờ bản đồ số 6, **xã T**, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận trước đây quyền sử dụng đất là của ông **Ngô Văn P** nhưng ông **P** đã chuyển nhượng lại cho ông **T** và ông **T** đã được **Ủy ban nhân dân huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, 3, Điều 92 BLTTDS.

[5] Tại công văn số 299/CNVPĐKĐĐ ngày 02/02/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**, về việc cung cấp thông tin xác định: Theo mảnh trích đo địa chính số 36/SĐ.ĐĐ/VP.ĐKĐĐHHN2022, thửa số 2 diện tích 51,4 m² được đối chiếu tương ứng với thửa 276 và một phần đất giao thông, tờ bản đồ số 6. Trong đó diện tích thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 6 là 10,5m², diện tích đất giao thông là 40,9m².

[6] Theo sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/7/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**: phần đất tranh chấp thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 6 diện tích 10,5 m² trong phạm vi các mốc M5, M8, M16, M15 trở về M5. Phần đất giao thông diện tích 40,9 m² trong phạm vi các mốc M15, M16, M7, M6 trở về M15.

[7] Tại Công văn số 733/UBND-HC ngày 15/5/2023 của **UBND huyện H** về việc cung cấp thông tin xác định thửa đất 308, tờ bản đồ số 6, hộ ông **Ngô Văn P** chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông **Thái Công T** theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 131/CN ngày 27/10/2004. Thửa đất 276, tờ bản đồ số 6, hộ ông **Ngô Văn P** chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông **Thái Công T** theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 57/CN ngày 14/8/2006. Đối với phần đất giao thông do Nhà nước quản lý, không được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[8] Đối với phần đất tranh chấp diện tích 10,5 m² trong phạm vi các mốc M5, M8, M16, M15 trở về M5 thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 6, ông **Thái Công T** đã được **Ủy ban nhân dân huyện H** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 15/9/2006 có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00667. Do đó phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông **T**, nên hộ ông **P** phải có trách nhiệm trả lại phần đất này cho ông **T**.

[9] Đối với phần đất tranh chấp diện tích 40,9 m² trong phạm vi các mốc M15, M16, M7, M6 trở về M15 là phần đất giao thông do nhà nước quản lý theo điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013. Hành vi của cá nhân tổ chức lấn chiếm đất đai, vi phạm về việc sử dụng đất đai thì Cơ quan quản lý đất đai ở địa phương sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Xét, việc ông **L** đại diện theo ủy quyền của ông **P** không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng phần đất tranh chấp là của gia đình ông **P** hiến đất để làm đường nên phần đất giao thông là thuộc quyền quản lý của gia đình ông là chưa có căn cứ chấp nhận như nhận định ở trên.

[11] Xét ông **Nguyễn Hoàng N1** là người thuê đất của ông **Thái Công T** trồng cây, trong quá trình giải quyết vụ án ông **N1** không có yêu cầu gì, không tranh chấp gì với nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Tại phiên tòa ông **Ngô Văn Văn L** thống nhất di dời chuồng bò, trại cũ ra khỏi phần đất thuộc thửa 308, tờ bản đồ số 6, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **T**, nên Hội đồng xét xử công nhận sự nguyện của ông **Ngô Văn L**.

[13] Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[14] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng 6.148.000 đồng, ông **T** đã tạm ứng chi phí. Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, nên ông **T** và ông **P** mỗi người phải chịu ½ chi phí này là 3.074.000 đồng. Ông **P** phải trả lại cho ông **T** chi phí thẩm định, định giá 3.074.000 đồng là phù hợp theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[15] Về án phí: Ông **Thái Công T**, ông **Ngô Văn P** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 157, 165, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 197 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 10, 163, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 12, 15, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc hộ ông **Ngô Văn P** (các thành viên trong hộ gồm ông **Ngô Văn L**, ông **Ngô Văn N**, bà **Trần Thị M**) di dời toàn bộ vật kiến trúc khác giao trả lại ông **Thái Công T** phần đất diện tích 10,5 m² trong phạm vi các mốc M5, M8, M16, M15 trở

về M5 thuộc thửa 276, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Thái Công T** về việc yêu cầu ông **Ngô Văn P** trả lại phần đất giao thông diện tích 40,9 m² trong phạm vi các mốc M15, M16, M7, M6 trở về M15.

4. Công nhận sự tự nguyện của ông **Ngô Văn L** di dời chuồng bò, trại cũi ra khỏi thửa đất 308, tờ bản 6, đất tọa lạc tại **ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp**.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 30 tháng 8 năm 2022, ngày 15/6/2023; Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 30/8/2022, ngày 17/7/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện H**).

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

5.1. Ông **Thái Công T** phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.074.000 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng), đã nộp chi xong.

5.2. Buộc ông **Ngô Văn P** trả lại cho ông **Thái Công T** chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.074.000 đồng (Ba triệu không trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

6. Về án phí sơ thẩm: Ông **Thái Công T**, ông **Ngô Văn P** được miễn án phí.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thị Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Lam - Lâm Văn Bình

Nguyễn Thị Thị Trang